

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 36

25-C
G T
HH
I TO
IẾT
NH
THA
1 -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 10 năm 2020. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>		<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	(i)	Chủ tịch (đến ngày 03/7/2020), Phó Chủ tịch (từ ngày 04/7/2020)
Ông Vương Trí Dũng	(i)	Chủ tịch (từ ngày 04/7/2020)
Ông An Quang Hiếu	(ii)	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/06/2020)
Ông Nguyễn Bá Huy	(ii)	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27/6/2020)
Ông Bùi Thẩm Châu	(ii)	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Tính	(ii)	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/06/2020)
Ông Ito Junichi		Ủy viên

(i) Theo Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐQT ngày 03/7/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT công ty.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua kết quả bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025. Theo đó, Ông Bùi Thẩm Châu và Ông Nguyễn Bá Huy được bầu làm thành viên hội đồng quản trị thay thế cho Ông An Quang Hiếu và Bà Nguyễn Thị Tính.

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Thế Hoàng	Ủy viên
Bà Hà Thanh Thủy	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quân	(iii) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/10/2020)

(iii) Theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 30/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc với ông Nguyễn Hữu Quân.

Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 27/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, thông qua phương án phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Ngày 09/03/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 788/UBCK-QLCB v/v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DAG. Theo đó, Công ty đã có Thông báo số 21/2021/CV-DAG ngày 16/03/2021 về việc Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 7.769.068 đồng tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 77.690.680.000 đồng. Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Nguồn phát hành là lợi nhuận chưa phân phối của công ty. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 15/04/2021.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ông NGUYỄN BÁ HÙNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Số: 022/2021/BCKT/HT.00068

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.934.069.093	462.922.842.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.433.382.522	12.598.405.111
1. Tiền	111		19.433.382.522	12.598.405.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		305.620.246.805	350.305.105.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.328.004.260	33.383.881.611
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	54.279.010.016	17.003.559.156
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	197.013.232.529	302.407.109.543
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	-	(2.489.444.951)
IV. Hàng tồn kho	140		115.327.497.184	99.687.498.162
1. Hàng tồn kho	141	5.8	115.327.497.184	99.687.498.162
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		552.942.582	331.833.668
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	-	93.366.543
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		437.501.559	64.217.885
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	115.441.023	174.249.240
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		327.061.362.141	249.588.304.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		67.040.727.386	205.301.386
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	61.835.426.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.205.301.386	205.301.386
II. Tài sản cố định	220		19.001.427.454	7.089.308.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	18.160.324.002	5.844.338.066
- Nguyên giá	222		31.632.251.107	19.252.980.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.471.927.105)	(13.408.642.038)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.11	203.415.572	394.021.640
- Nguyên giá	225		1.143.636.364	1.143.636.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(940.220.792)	(749.614.724)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	637.687.880	850.948.784
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	2.190.109.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.552.421.974)	(1.339.161.070)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.685.684.649	11.922.744.385
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	10.685.684.649	11.922.744.385
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		230.330.000.000	230.330.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	230.330.000.000	230.330.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.522.652	40.950.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	3.522.652	40.950.622
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		767.995.431.234	712.511.147.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.863.355.808	109.528.443.377
I. Nợ ngắn hạn	310		113.993.355.808	103.202.397.517
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	4.854.454.821	2.015.269.712
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	1.104.052.872	1.588.783.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	895.315.554	1.034.495.887
4. Phải trả người lao động	314		889.311.994	1.184.246.092
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	318.293.342	250.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	89.738.285	165.183.952
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	11.257.457.812	30.261.657.872
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	86.509.380.156	60.170.331.735
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.075.350.972	6.532.429.167
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.870.000.000	6.326.045.860
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	30.000.000	30.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	2.840.000.000	6.296.045.860
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		651.132.075.426	602.982.703.806
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	651.132.075.426	602.982.703.806
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		517.950.850.000	517.950.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		517.950.850.000	517.950.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.991.921.439	7.991.921.439
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12.930.000)	(12.930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.018.849.967	15.870.177.454
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.898.482.589	8.749.810.076
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.284.901.431	52.432.874.837
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.986.857.297	2.523.300.297
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.298.044.134	49.909.574.540
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		767.995.431.234	712.511.147.183

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





ĐỖ THỊ THÚY AN

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN BA HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	200.167.465.979	295.987.251.259
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		200.167.465.979	295.987.251.259
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	178.193.046.489	282.543.235.318
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.974.419.490	13.444.015.941
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	51.634.216.926	47.305.380.715
7 Chi phí tài chính	22	6.4	6.729.070.488	5.905.472.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.672.149.448	5.893.575.783
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	5.692.331.649	826.026.724
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	3.318.613.344	3.357.952.785
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.868.620.935	50.659.944.397
11 Thu nhập khác	31	6.5	97.606.763	146.688.121
12 Chi phí khác	32	6.6	3.844.665.884	128.300.364
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.747.059.121)	18.387.757
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.121.561.814	50.678.332.154
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	823.517.680	768.757.614
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		53.298.044.134	49.909.574.540

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ THỊ THÚY AN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.121.561.814	50.678.332.154
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.276.577.447	1.490.144.922
- Các khoản dự phòng	03		(2.489.444.951)	479.486.488
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.814.231	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(48.300.029.243)	(47.327.284.366)
- Chi phí lãi vay	06		6.672.149.448	5.893.575.783
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.287.628.746	11.214.254.981
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		40.828.413.596	48.057.744.114
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(24.732.210.289)	(23.491.712.282)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(19.296.794.527)	8.927.565.956
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		130.794.513	3.367.772.310
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.603.856.106)	(5.893.575.783)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.267.178.918)	(2.149.339.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		346.797.015	40.032.710.287
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(7.100.000.000)	(5.050.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		909.090.909	3.371.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149.171.993.200)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		87.336.567.200	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.631.512.926	892.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.394.822.165)	(1.677.289.586)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	236.459.956.258	100.273.690.564
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(213.388.480.970)	(128.909.471.068)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(188.472.727)	(152.327.273)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.883.002.561	(28.788.107.777)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		6.834.977.411	9.567.312.924
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.598.405.111	3.031.092.187
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	19.433.382.522	12.598.405.111

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ THÚY AN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN BA HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 10 năm 2020. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Văn phòng làm việc tại: tầng 9, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (iii)	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

(i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 12 năm 2015. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

(ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng.

(iii) Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công lắp đặt cửa kính.

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 39 người (Tại ngày 01/01/2020 là 63 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỶ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty. Số năm tính khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 08 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.14 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.15 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

4.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.21 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ	474.538.711	94.319.909
Tiền gửi ngân hàng	18.958.843.811	12.504.085.202
Tổng	19.433.382.522	12.598.405.111

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	159.330.000.000	-	(*)	159.330.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	35.000.000.000	-	(*)	35.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	36.000.000.000	-	(*)	36.000.000.000	-	(*)
Tổng	230.330.000.000	-		230.330.000.000	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	-	31.560.000
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	1.162.831.454	1.362.831.454
Công ty CP Vimeco	-	1.848.347.837
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	25.827.575.497	12.579.132.891
Công ty TNHH V&H Việt Nam	-	5.198.557.934
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	9.275.775.532	6.831.501.780
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	-	3.500.942.491
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vĩnh Trường	17.600.423.786	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	461.397.991	2.062.567.224
Tổng	54.328.004.260	33.383.881.611

b) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Vật liệu XD và Hóa chất Hoàng Nam	50.784.078.106	3.863.184.671
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	-	6.125.480.264
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1.969.465.410	1.969.465.410
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	-	4.388.904.452
Các tổ chức, cá nhân khác	1.525.466.500	656.524.359
Tổng	54.279.010.016	17.003.559.156

b) Trả trước cho người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

5.5 Các khoản phải thu về cho vay

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn				
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (*)	61.835.426.000	-	-	-
Tổng	61.835.426.000	-	-	-

(*) Theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Nhựa Đông Á. Số tiền vay: 150 tỷ đồng chẵn, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2020 với lãi suất cho vay là 0%/ tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	-	-	11.725.000	-
Ký quỹ, ký cược	710.458.405	-	172.737.305	-
Phải thu khác	196.302.774.124	-	302.222.647.238	-
- Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	162.375.042.579	-	178.971.432.031	-
- Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	33.269.400.308	-	122.666.425.644	-
- Các đối tượng khác	658.331.237	-	584.789.563	-
Tổng	197.013.232.529	-	302.407.109.543	-
b) Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	5.205.301.386	-	205.301.386	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	205.301.386	-	205.301.386	-
Tổng	5.205.301.386	-	205.301.386	-

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP PTTM Vinaconex - Dự án Chợ Mơ	-	-	1.362.831.455	-
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP XD Số 1 Hà Nội	-	-	540.964.459	-
Các đối tượng khác	-	-	585.649.037	-
Tổng	-	-	2.489.444.951	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	2.489.444.951	-	2.489.444.951
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	2.489.444.951	-	2.489.444.951
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	115.327.497.184	-	99.687.498.162	-
Tổng	115.327.497.184	-	99.687.498.162	-

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2020	-	17.628.090.311	1.624.889.793	19.252.980.104
Mua trong năm	-	7.100.000.000	-	7.100.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	10.329.271.003	-	-	10.329.271.003
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.050.000.000)	-	(5.050.000.000)
Vào ngày 31/12/2020	10.329.271.003	19.678.090.311	1.624.889.793	31.632.251.107
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2020	-	11.880.955.786	1.527.686.252	13.408.642.038
Khấu hao trong năm	-	786.176.387	86.534.088	872.710.475
Thanh lý	-	(809.425.408)	-	(809.425.408)
Vào ngày 31/12/2020	-	11.857.706.765	1.614.220.340	13.471.927.105
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2020	-	5.747.134.525	97.203.541	5.844.338.066
Vào ngày 31/12/2020	10.329.271.003	7.820.383.546	10.669.453	18.160.324.002

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 6.823.888.885 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.451.355.167 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2020	2.190.109.854
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2020	2.190.109.854
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2020	1.339.161.070
Khấu hao trong năm	213.260.904
Vào ngày 31/12/2020	1.552.421.974
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2020	850.948.784
Vào ngày 31/12/2020	637.687.880

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 484.022.800 đồng.

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2020	1.143.636.364
Thuê tài chính trong năm	-
Vào ngày 31/12/2020	1.143.636.364
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2020	749.614.724
Khấu hao trong năm	190.606.068
Vào ngày 31/12/2020	940.220.792
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2020	394.021.640
Vào ngày 31/12/2020	203.415.572

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Sửa chữa xưởng tại nhà máy Ngọc Hồi	10.161.039.949	11.398.099.685
Dự án KCN Hà Nam	524.644.700	524.644.700
Tổng	10.685.684.649	11.922.744.385

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	-	93.366.543
Tổng	<u>-</u>	<u>93.366.543</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.522.652	40.950.622
Tổng	<u>3.522.652</u>	<u>40.950.622</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020		31/12/2020		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ		Giá trị
a) Vay và nợ ngắn hạn (I)	60.170.331.735	60.170.331.735	233.235.762.728	211.896.714.307	86.509.380.156	86.509.380.156
<i>Vay ngắn hạn</i>	<u>39.958.659.408</u>	<u>39.958.659.408</u>	<u>232.199.956.258</u>	<u>191.685.041.980</u>	<u>80.473.573.686</u>	<u>80.473.573.686</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	39.958.659.408	39.958.659.408	120.229.480.331	120.188.359.470	39.999.780.269	39.999.780.269
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	-	70.333.220.206	45.334.133.026	24.999.087.180	24.999.087.180
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	30.437.255.721	14.962.549.484	15.474.706.237	15.474.706.237
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<u>20.211.672.327</u>	<u>20.211.672.327</u>	<u>6.035.806.470</u>	<u>20.211.672.327</u>	<u>6.035.806.470</u>	<u>6.035.806.470</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	18.943.538.959	18.943.538.959	5.001.006.470	18.943.538.959	5.001.006.470	5.001.006.470
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	87.733.368	87.733.368	-	87.733.368	-	-
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	1.010.000.000	1.010.000.000	852.000.000	1.010.000.000	852.000.000	852.000.000
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	170.400.000	170.400.000	182.800.000	170.400.000	182.800.000	182.800.000
b) Vay và nợ dài hạn (II)	6.296.045.860	6.296.045.860	4.260.000.000	7.716.045.860	2.840.000.000	2.840.000.000
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<u>6.296.045.860</u>	<u>6.296.045.860</u>	<u>4.260.000.000</u>	<u>7.716.045.860</u>	<u>2.840.000.000</u>	<u>2.840.000.000</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.001.006.470	5.001.006.470	-	5.001.006.470	-	-
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	1.094.166.663	1.094.166.663	4.260.000.000	2.514.166.663	2.840.000.000	2.840.000.000
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.872.727	200.872.727	-	200.872.727	-	-
Tổng (I+II)	66.466.377.595	66.466.377.595	242.495.762.728	219.612.760.167	89.349.380.156	89.349.380.156

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trong đó:

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2019/7610660/HĐTD ký vào ngày 10/09/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2018/7610660/HĐTD ngày 26/09/2018. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 10/09/2020. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phủ Lý, Hà Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyển số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung giá trị 152,997 tỷ đồng; máy nghiền Fomex theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐBĐ ngày 31/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CGY/000031/20 ký vào ngày 03/03/2020 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 28/02/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 61, 154 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BB968058, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00098 do UBND Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2010.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD2014700197 ký vào ngày 26/05/2020 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Giá trị hạn mức tín dụng là 600 triệu đồng, lãi suất cho vay trong 3 tháng đầu là 11%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng biên độ 3,5%/năm. Thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 65/2020/HĐTD/TTKD CGY/01 ký vào ngày 12/06/2020 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.
- (v) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng vay dài hạn với số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 5.001.006.470 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2021 là 5.001.006.470 VND). Cụ thể như sau:
 - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 03/05/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 16.100.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay 10,2%/năm áp dụng tới ngày 01/10/2017, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay để thanh toán các chi phí phù hợp thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, hệ thống san nền, đường nội bộ, rãnh nước, đầu tư 02 máy sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ theo biên bản họp hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

ngày 24/02/2017 (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.

- (vii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng số 20.TDH.01.120853/HĐTĐ-SGD ngày 26 tháng 04 năm 2020, với số tiền vay là 4.260.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay trong 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, lãi suất sau đó được áp dụng theo công thức: bằng lãi suất cơ sở (+) margin tối thiểu 3,6%/năm và sẽ được điều chỉnh chính định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư 01 Xe ô tô Lexus LX570, màu đen, 8 chỗ đã qua sử dụng, sản xuất năm 2017, xuất xứ Nhật Bản. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (viii) Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016 với số tiền thuê là 1.258.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2020 là 185.381.818 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 185.381.818 VND).

Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND
Năm 2020			
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	217.889.979	29.417.252	188.472.727
	217.889.979	29.417.252	188.472.727
Năm 2019			
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	234.874.510	82.547.237	152.327.273
	234.874.510	82.547.237	152.327.273

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Dịch vụ đô thị Hancorp	366.081.275	366.081.275	411.830.611	411.830.611
Trần Thị Lê Hà	267.645.047	267.645.047	267.645.047	267.645.047
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	-	-	970.659.925	970.659.925
Jamboo Union Corp (Formosa +Mitsubishi)	1.858.353.840	1.858.353.840	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	2.054.993.977	2.054.993.977	-	-
Các đối tượng khác	307.380.682	307.380.682	365.134.129	365.134.129
Tổng	4.854.454.821	4.854.454.821	2.015.269.712	2.015.269.712

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Tổng Công ty MBLand	-	845.733.195
Công ty TNHH Nội thất Thái Thịnh	-	690.812.954
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	1.104.052.872	-
Các đối tượng khác	-	52.236.951
Tổng	1.104.052.872	1.588.783.100

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2020 VND
a) Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.097.179.376	1.097.179.376	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	117.776.844	117.776.844	-
Thuế TNDN	1.034.495.887	915.001.521	1.358.662.759	590.834.649
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	116.618.494	116.618.494	-
Thuế, phí khác	-	691.224.925	386.744.020	304.480.905
Tổng	1.034.495.887	2.937.801.160	3.076.981.493	895.315.554
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	174.249.240	65.972.557	7.164.340	115.441.023
Tổng	174.249.240	65.972.557	7.164.340	115.441.023

Theo Quyết định số 71873/QĐ-CT-QLN ngày 03/8/2020 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á. Quyết định có hiệu lực 01 năm kể từ ngày 03/8/2020 đến ngày 02/8/2021. Thông báo số 71874/TB-CT-QLN ngày 03/8/2020 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

Theo Quyết định số 100452/QĐ-CTHN-QLN ngày 19/11/2020 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc chấm dứt hiệu lực Quyết định số 71873/QĐ-CT-QLN ngày 03/8/2020 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á. Lý do: Công ty đã nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt bị cưỡng chế vào NSNN. Thông báo số 100453/TB-CTHN-QLN ngày 19/11/2020 về việc hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng. Kể từ ngày 19/11/2020, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tiếp tục được sử dụng hóa đơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Phí dịch vụ tư vấn	250.000.000	250.000.000
Chi phí lãi vay	68.293.342	-
Tổng	318.293.342	250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Nhận trả trước về cho thuê Văn phòng	89.738.285	165.183.952
Tổng	89.738.285	165.183.952

5.20 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Các khoản phải trả ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	180.233.002	158.169.876
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	320.398.933	115.514.429
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.756.825.877	29.987.973.567
- Nguyễn Bá Hùng	-	14.228.738.000
- Trần Thị Lê Hải	451.262.400	451.262.400
- Cổ tức phải trả	711.352.825	711.352.825
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	-	5.267.079.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	6.301.147.650	6.301.147.650
- Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	641.250.000	641.250.000
- Các đối tượng khác	2.651.813.002	2.387.143.692
Tổng	11.257.457.812	30.261.657.872
b) Các khoản phải trả dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	30.000.000
Tổng	30.000.000	30.000.000

c) Các khoản phải trả, phải nộp khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.21 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2019	517.950.850.000	7.991.921.439	(12.930.000)	2.523.300.297	528.453.141.736
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	49.909.574.540	49.909.574.540
Số dư 01/01/2020	517.950.850.000	7.991.921.439	(12.930.000)	52.432.874.837	578.362.716.276
Vốn góp trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	53.298.044.134	53.298.044.134
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(15.446.017.540)	(15.446.017.540)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2020	517.950.850.000	7.991.921.439	(12.930.000)	90.284.901.431	616.214.742.870

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 517.950.850.000 đồng, chia thành 51.795.085 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2020 như sau:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Cổ đông				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	110.608.650.000	21,36%	110.608.650.000	21,36%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	139.288.520.000	26,89%	139.288.520.000	26,89%
Các cổ đông khác	268.053.680.000	51,75%	268.053.680.000	51,75%
Tổng	517.950.850.000	100%	517.950.850.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	517.950.850.000	517.950.850.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	517.950.850.000	517.950.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.795.085	51.795.085
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.795.085	51.795.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.795.085	51.795.085
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.293	1.293
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.293	1.293
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.793.792	51.793.792
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.793.792	51.793.792
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển (*)	15.870.177.454	5.148.672.513	-	21.018.849.967
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	8.749.810.076	5.148.672.513	-	13.898.482.589
Tổng	24.619.987.530	10.297.345.026	-	34.917.332.556

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ như sau:

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính, Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng quỹ đảm bảo các mục tiêu của Tập đoàn. Công ty đang theo dõi trên Quỹ đầu tư và phát triển.

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Công ty đang theo dõi trên Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	654,89	696,13

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	194.663.590.848	286.120.901.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.912.928.791	5.671.230.404
Doanh thu cho thuê văn phòng	590.946.340	1.013.301.308
Doanh thu bán bất động sản	-	3.181.818.182
Tổng	<u>200.167.465.979</u>	<u>295.987.251.259</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
Giá vốn hàng bán	173.280.117.698	273.723.963.746
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.912.928.791	5.671.230.404
Giá vốn bất động sản	-	3.148.041.168
Tổng	<u>178.193.046.489</u>	<u>282.543.235.318</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
Lãi tiền gửi	170.418.016	892.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.704.000	12.525.195
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.461.094.910	47.291.963.288
Tổng	<u>51.634.216.926</u>	<u>47.305.380.715</u>

6.4 Chi phí tài chính

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
Lãi tiền vay	6.672.149.448	5.893.575.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.106.809	11.896.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.814.231	-
Tổng	<u>6.729.070.488</u>	<u>5.905.472.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu phạt nhân viên	18.800.000	59.085.095
Thanh lý tài sản cố định	-	651.832
Thu nhập khác	78.806.763	86.951.194
Tổng	97.606.763	146.688.121

6.6 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạt hành chính về thuế	513.180.467	20.879.702
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	3.331.483.683	-
Xử lý công nợ	-	53.246.000
Các khoản chi phí khác.	1.734	54.174.662
Tổng	3.844.665.884	128.300.364

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	3.318.613.344	3.357.952.785
Chi phí nhân viên	1.438.430.148	1.120.176.566
Chi phí khấu hao	966.338.363	503.068.762
Các khoản chi phí QLDN khác.	913.844.833	1.734.707.457
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	5.692.331.649	826.026.724
Chi phí nhân viên	4.704.351.300	177.152.516
Chi phí khấu hao	310.239.084	562.804.118
Các khoản chi phí bán hàng khác.	677.741.265	86.070.090

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	6.142.781.448	1.297.329.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.276.577.447	1.490.144.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.858.585	5.873.116.587
Chi phí khác	1.050.727.513	1.106.671.815
Tổng	9.010.944.993	9.767.262.406

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	682.318.490	768.757.614
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	141.199.190	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	823.517.680	768.757.614

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.10 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung được phân bổ xuống các công ty con	-	805.736.311

7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	236.459.956.258	100.273.690.564

7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	213.388.480.970	128.909.471.068
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	188.472.727	152.327.273
Tổng	213.576.953.697	129.061.798.341

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	583.000.000	583.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	431.297.904	349.308.669
Cộng	1.014.297.904	932.308.669

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH V&H Việt Nam	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Bán hàng	52.764.110.550	106.087.467.065
Công ty TNHH V&H Việt Nam	Bán hàng	51.735.091.993	161.884.326.383
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Mua hàng	3.251.068.440	34.811.948.489
	Bán hàng	9.240.271.845	-
	Cho vay	149.171.993.200	-
	Thu tiền cho vay	87.336.567.200	-
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Mua hàng	4.912.928.791	6.991.834.304
	Bán hàng	2.719.347.716	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Bán hàng	-	165.335.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	Mượn tiền	10.240.500.000	14.490.000.000
	Trả tiền mượn	24.469.238.000	2.000.000.000
	Cho mượn	108.114.400	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát		
- Phải thu thương mại	25.827.575.497	12.579.132.891
- Phải trả ngắn hạn khác	-	5.267.079.000
Công ty TNHH V&H Việt Nam		
- Phải thu thương mại	-	5.198.557.934
Công ty TNHH Nhựa Đông Á		
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-
- Trả trước cho người bán	-	4.388.904.452
- Phải thu về cho vay dài hạn	61.835.426.000	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á		
- Phải thu ngắn hạn khác	33.269.400.308	122.666.425.644
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam		
- Phải thu khách hàng	311.282.488	-
- Phải thu ngắn hạn khác	162.375.042.579	178.971.432.031
- Phải trả người bán	-	970.659.925
Ông Nguyễn Bá Hùng		
- Phải trả ngắn hạn khác	-	14.228.738.000
- Phải thu ngắn hạn khác	108.114.400	-
Bà Trần Thị Lê Hải		
- Phải trả ngắn hạn khác	451.262.400	451.262.400

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin về bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 27/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, thông qua phương án phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Ngày 09/03/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 788/UBCK-QLCB v/v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DAG. Theo đó, Công ty đã có Thông báo số 21/2021/CV-DAG ngày 16/03/2021 về việc Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 7.769.068 đồng tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 77.690.680.000 đồng. Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Nguồn phát hành là lợi nhuận chưa phân phối của công ty. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 15/04/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

10. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



ĐỖ THỊ THÚY AN
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng

NGUYỄN BÁ HÙNG
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021